

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Mã chứng khoán: **LLM**) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất 06 tháng đầu năm 2025 (đã được soát xét) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **LLM**
- Địa chỉ: Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 38637747 Fax: 024 3863 8104
- Website: <http://www.lilama.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất 06 tháng đầu năm 2025 (đã được soát xét):
 - ☐ BCTC Riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC Hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét năm 2025):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét năm 2025):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn: <https://lilama.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP

Người được ủy quyền Công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất 06 tháng đầu năm 2025 (đã được soát xét);
- Văn bản giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chênh lệch LNST trước và sau kiểm toán và chênh lệch LNST so với cùng kỳ năm trước của BCTC HN 06 tháng đầu năm 2025.



TÔ PHI SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-06
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	07-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12-51
Phụ lục số 01: Các khoản Vay ngắn hạn	52-53
Phụ lục số 02: Các khoản Vay dài hạn	54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10/08/2025.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên	
Ông Lê Đình Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2025
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/05/2025
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Nguyễn Văn Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

tan



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Số: 280825.012/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Các vấn đề tại các Công ty con ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

- Tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 tại các công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 ghi nhận một số khoản phải thu quá hạn thanh toán với cùng số tiền là 76,2 tỷ VND. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng về đánh giá của Ban Tổng Giám đốc cũng như các tài liệu khác có liên quan về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty.

Hàng tồn kho

- Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết, tuy nhiên không thể đảm bảo được tính chính xác và tồn thất (nếu có) của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công ty con của Tổng Công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 với tổng giá trị tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025 lần lượt là 282,6 tỷ VND và 276,8 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty.

Nợ phải trả

- Tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025, Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Lilama 5 đang phản ánh chi phí phải trả lãi vay đã quá hạn thanh toán với cùng số tiền là 74,01 tỷ VND và khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (Ngân hàng BIDV) với cùng số tiền 183 tỷ VND. Với các thủ tục soát xét đã thực hiện, Chúng tôi không có cơ sở xác định tính chính xác và đầy đủ của chi phí lãi vay ghi nhận trong kỳ này và các năm trước cũng như tính chính xác và nghĩa vụ đối với số dư khoản vay Ngân hàng BIDV của Công ty con này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính" tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025 và chi tiêu "Chi phí tài chính" đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty.

- Tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025, Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama đang trình bày Chi phí lãi vay lũy kế từ các năm trước cho khoản vay ngắn hạn đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình, số tiền lần lượt là 21,3 tỷ VND và 26,3 tỷ VND trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" mà không ghi nhận vào kết quả kinh doanh hàng năm. Điều này dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chi tiêu "Chi phí tài chính" 06 tháng đầu năm 2025 và số liệu so sánh năm 2024 đang được ghi nhận thiếu, đồng thời trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025, chi tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang được ghi nhận thừa với số tiền lần lượt là 21,3 tỷ VND và 26,3 tỷ VND.

- Đến thời điểm 01/01/2025, theo thông báo của cơ quan Bảo hiểm xã hội tại Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama có nghĩa vụ phải trả lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội với số tiền lũy kế là 7,07 tỷ VND. Số tiền phạt chậm nộp này chưa được Công ty con ghi nhận và tính toán bổ sung phạt chậm nộp trong 06 tháng đầu năm 2025, điều này dẫn đến chi tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chi tiêu "Chi phí khác" trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ đang ghi nhận thấp hơn tương ứng lãi phạt chậm nộp chưa ghi nhận.

Một số vấn đề khác

- Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 đang trình bày trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 với cùng số tiền 2,1 tỷ VND. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá được sự phù hợp của số liệu nêu trên đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty.

- Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của số dư các khoản mục phải thu và phải trả tại thời điểm 01/01/2025 tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 với số tiền công nợ phải thu là 21,06 tỷ VND, công nợ phải trả là 33,5 tỷ VND cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.591.701.255.531	5.257.743.842.325
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.230.124.648.528	2.976.474.914.887
111	1. Tiền		1.374.361.148.528	1.538.774.914.887
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.855.763.500.000	1.437.700.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	6.748.502.780	6.361.600.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.748.502.780	6.361.600.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.851.556.540.101	1.716.969.351.956
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.401.167.161.793	1.403.658.376.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	839.693.290.418	716.551.979.168
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	358.178.701.870	359.312.856.281
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	474.423.004.966	470.920.424.895
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.221.905.618.946)	(1.233.474.285.260)
140	IV. Hàng tồn kho	10	469.343.926.911	439.300.807.573
141	1. Hàng tồn kho		469.343.926.911	439.300.807.573
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.927.637.211	118.637.167.909
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.842.644.024	1.074.581.469
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.846.315.346	47.297.529.829
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	24.238.677.841	70.265.056.611
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		829.834.556.388	858.796.682.588
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		585.000.000	8.742.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	585.000.000	8.742.000.000
220	II. Tài sản cố định		118.634.797.528	119.849.239.374
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	100.014.101.860	100.995.565.524
222	- Nguyên giá		727.146.048.930	726.607.203.734
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(627.131.947.070)	(625.611.638.210)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	2.285.274.112	2.505.252.292
225	- Nguyên giá		3.519.650.908	3.519.650.908
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.234.376.796)	(1.014.398.616)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	16.335.421.556	16.348.421.558
228	- Nguyên giá		18.500.095.231	18.500.095.231
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.164.673.675)	(2.151.673.673)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	11.967.756.846	13.120.334.922
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.160.206.674)	(44.007.628.598)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	37.365.447.459	36.788.280.405
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		37.365.447.459	36.788.280.405
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	551.395.121.211	550.696.410.397
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		323.348.005.677	322.511.899.877
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.227.056.322	255.227.056.322
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(27.319.940.788)	(27.320.745.802)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	140.000.000	278.200.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		109.886.433.344	129.600.417.490
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	109.886.433.344	129.600.417.490
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.421.535.811.919	6.116.540.524.913

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.375.422.671.622	5.138.300.957.827
310	I. Nợ ngắn hạn		5.823.424.907.179	4.685.143.487.553
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.137.290.575.200	1.499.571.198.824
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	264.010.393.742	320.788.540.466
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	41.956.720.938	5.687.587.578
314	4. Phải trả người lao động		126.708.068.839	96.878.133.511
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.107.487.501.354	873.703.122.417
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	803.841.460	803.841.460
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	292.157.024.334	311.596.145.265
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	1.243.787.494.865	1.329.685.368.977
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	551.678.394.678	188.566.036.808
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		57.544.891.769	57.863.512.247
330	II. Nợ dài hạn		551.997.764.443	453.157.470.274
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	13.420.036.655	13.714.796.931
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	1.151.886.839	1.151.886.839
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	758.429.980	1.108.474.582
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		16.845.052.706	15.818.258.562
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	21	519.822.358.263	421.364.053.360
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.046.113.140.297	978.239.567.086
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.046.387.632.737	978.514.059.526
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.126.365.735	1.126.365.735
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(32.374.321.082)	(32.374.321.082)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.244.801.738)	(7.468.801.166)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		124.994.151.567	107.936.133.757
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.290.851	18.290.851
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		233.148.293.874	183.105.198.192
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		154.141.080.796	90.410.541.765
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		79.007.213.078	92.694.656.427
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(74.541.386.470)	(71.089.846.761)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(274.492.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(274.492.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.116.540.524.913	6.116.540.524.913



Lai Việt Tân
Người lập



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	3.044.503.445.541	3.345.260.756.433
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.044.503.445.541	3.345.260.756.433
11	4. Giá vốn hàng bán	28	2.954.229.913.024	3.231.698.976.025
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.273.532.517	113.561.780.408
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	83.465.172.197	92.803.136.856
22	7. Chi phí tài chính	30	91.742.400.122	67.067.429.719
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.398.069.282	49.182.430.677
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		836.105.800	(8.882.243.679)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	22.139.506.065	75.473.431.466
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		60.692.904.327	54.941.812.400
31	12. Thu nhập khác	32	19.812.670.717	4.272.623.669
32	13. Chi phí khác	33	3.884.125.752	3.142.691.501
40	14. Lợi nhuận khác		15.928.544.965	1.129.932.168
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		76.621.449.292	56.071.744.568
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	-	267.503.598
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.026.895.376	2.707.319.426
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		75.594.553.916	53.096.921.544
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		79.007.213.078	58.034.387.960
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(3.412.659.162)	(4.937.466.416)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	991	728

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		76.621.449.292	56.071.744.568
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.698.258.832	8.573.335.134
03	- Các khoản dự phòng		450.001.191.445	42.226.121.836
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(14.254.557.770)	(45.620.073.127)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(33.455.553.198)	(20.809.323.874)
06	- Chi phí lãi vay		37.398.069.282	49.182.430.677
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		524.008.857.883	89.624.235.214
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.033.576.344.867)	(134.502.815.028)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.043.119.338)	78.268.183.171
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		846.051.149.103	(235.439.507.481)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		18.945.921.591	18.909.618.862
14	- Tiền lãi vay đã trả		(28.932.772.612)	(46.102.808.964)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(366.960.722)	(925.555.400)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.216.525.634)	(8.689.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		283.870.205.404	(238.857.749.626)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.908.405.964)	(1.095.591.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.079.999.998	1.125.925.926
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(532.693.687)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.418.145.318	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.815.154.381	21.611.168.773
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		21.872.200.046	21.641.502.881
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.102.947.755.808	2.211.430.913.157
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.188.845.629.920)	(2.299.089.641.707)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(350.044.602)	(350.044.602)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(108.063.161)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(86.355.981.875)	(88.008.773.152)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		219.386.423.575	(305.225.019.897)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.976.474.914.887	2.738.040.007.941
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.263.310.066	29.387.911.247
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>3.230.124.648.528</u>	<u>2.462.202.899.291</u>

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10/08/2025.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là thi công và xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định pháp luật.



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 7	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp

Tổng Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Phòng	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD - Công ty con của Tổng Công ty lập báo cáo tài chính theo đồng Đô la Brunei (BND). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được lập bằng Đô la Brunei (BND) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.11 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.12 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.13 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập tối đa 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.22 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.23 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.26 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.28 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.29 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

Do toàn bộ doanh thu đều của hoạt động xây lắp, dịch vụ nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	3.542.032.073	2.850.292.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.370.819.116.455	1.535.924.622.662
Các khoản tương đương tiền (*)	1.855.763.500.000	1.437.700.000.000
	3.230.124.648.528	2.976.474.914.887

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị tương đương 1.855.763.500.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	6.748.502.780	-	6.361.600.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.748.502.780	-	6.361.600.000	-
Đầu tư dài hạn	140.000.000	-	278.200.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	138.200.000	-
- Trái phiếu (**)	140.000.000	-	140.000.000	-
	6.888.502.780	-	6.639.800.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 24 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,71%/năm đến 5,30%/năm.

(**) Tại ngày 30/06/2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 10 năm, ngày đáo hạn là 19/12/2028 theo hình thức lãi trả sau, định kỳ 1 năm một lần.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	Địa chỉ	30/06/2025			01/01/2025		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	1.253.082.848	40,83%	40,83%	4.325.327.803
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	-	35,06%	35,06%	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Thành phố Hà Nội	27,93%	27,93%	36.398.486.844	27,93%	27,93%	31.567.883.582
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Thành phố Hà Nội	36,18%	36,18%	10.993.344.681	36,18%	36,18%	10.990.966.336
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Thành phố Hà Nội	45,45%	45,45%	940.347.122	45,45%	45,45%	940.347.122
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	104.188.349.390	36,00%	36,00%	106.195.115.554
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	132.719.370.176	36,00%	36,00%	132.007.102.721
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	-	41,10%	41,10%	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Thành phố Hải Phòng	36,00%	36,00%	36.855.024.616	36,00%	36,00%	36.485.156.759
				323.348.005.677			322.511.899.877

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Mã chứng khoán	30/06/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(34.879.229)	2.165.892.592	(35.684.243)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(7.486.024.856)	16.169.971.505	(7.486.024.856)
- Công ty Cổ phần BV Invest		92.816.340.337	-	92.816.340.337	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		255.227.056.322	(27.319.940.788)	255.227.056.322	(27.320.745.802)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên thị trường chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025 của các Công ty này.

Đầu tư vào các đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Thành phố Hồ Chí Minh	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Thành phố Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần BV Invest	Thành phố Hà Nội	11,96%	11,96%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	35.241.714.403	(8.035.409.888)	36.984.322.568	(8.015.052.693)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	14.674.331.132	(4.523.432.930)	14.674.331.132	(4.503.075.735)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	3.064.889.385	-	3.082.224.665	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	10.130.284.183	-	10.400.052.220	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	-	-	1.438.531.050	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.511.976.958)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.690.177.693	-	2.690.177.693	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	1.167.588.850	-	1.167.588.850	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	-	-	19.440.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	2.466.202	-	-	-



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	2.365.925.447.390	(370.465.051.046)	1.366.674.054.304	(375.960.345.917)
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	75.101.237.773	-	68.518.414.445	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	207.035.102.690	(194.351.387.399)	206.708.530.074	(194.351.387.399)
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	53.287.199.274	(53.287.199.274)	57.577.434.335	(57.577.434.335)
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	13.967.361.316	(13.967.361.316)	19.967.361.316	(19.006.160.651)
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Điện	805.141.105.207	-	646.405.216.466	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.802.221.419	(39.000.402.901)	39.000.402.901	(39.000.402.901)
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	875.838.728.770	-	22.736.154.702	-
- Phải thu khách hàng khác	295.752.490.941	(69.858.700.156)	305.760.540.065	(66.024.960.631)
	2.401.167.161.793	(378.500.460.934)	1.403.658.376.872	(383.975.398.610)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	46.794.821.332	(35.105.842.355)	48.204.614.946	(35.105.842.355)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	35.363.803.005	(27.426.478.543)	35.363.803.005	(27.426.478.543)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	11.431.018.327	(7.679.363.812)	11.431.018.327	(7.679.363.812)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	-	-	1.409.793.614	-
Bên khác	792.898.469.086	(89.951.515.012)	668.347.364.222	(91.553.846.417)
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.731.011.731	-	46.716.011.731	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	292.414.869.614	(89.951.515.012)	167.878.764.750	(91.553.846.417)
	839.693.290.418	(125.057.357.367)	716.551.979.168	(126.659.688.772)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	116.558.693.977	(116.558.693.977)	117.692.848.388	(117.692.848.388)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	92.068.569.933	(92.068.569.933)	92.068.569.933	(92.068.569.933)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	24.490.124.044	(24.490.124.044)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
Bên khác	241.620.007.893	(241.620.007.893)	241.620.007.893	(241.620.007.893)
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	358.178.701.870	(358.178.701.870)	359.312.856.281	(359.312.856.281)

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.131.988.200	(3.131.988.200)	7.085.445.290	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	292.111.472.413	(282.483.703.644)	282.433.722.304	(278.849.832.853)
- Tạm ứng	30.579.230.891	-	27.455.052.818	-
- Ký cược, ký quỹ	30.047.075	-	75.047.075	-
- Phải thu tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	19.249.384.448	(19.249.384.448)	27.255.441.843	(27.255.441.843)
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	9.861.272.537	-	11.361.932.537	-
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Phải thu khác	109.472.287.722	(55.304.022.483)	105.266.461.348	(54.289.078.701)
	474.423.004.966	(360.169.098.775)	470.920.424.895	(363.526.341.597)

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho vay của các đối tác được trình bày tại thuyết minh số 07 - Phải thu về cho vay ngắn hạn.

(2) Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ hồng) tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

(3) Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM" - thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ/chi phí của từng thành viên của liên danh trong cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

(4) Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Bên liên quan	101.819.109.685	(100.677.353.207)	96.840.781.575	(96.426.786.965)
	- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
	- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	81.130.957.310	(81.130.957.310)	76.880.391.068	(76.880.391.068)
	- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	17.556.164.175	(16.414.407.697)	16.414.407.697	(16.414.407.697)
	- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	-	5.304.200	-
	- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	-	-	408.690.410	-
	Bên khác	254.673.346.043	(228.293.780.040)	249.608.454.888	(228.293.780.040)
	- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	75.897.140.431	(75.897.140.431)	75.897.140.431	(75.897.140.431)
	- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.066.231.662	(144.066.231.662)
	- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông - Chi nhánh Hà Nội	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	26.379.566.003	-	21.314.674.848	-
	- Các đối tượng khác	117.930.549.238	(31.197.965.528)	124.471.188.432	(38.805.774.592)
		474.423.004.966	(360.169.098.775)	470.920.424.895	(363.526.341.597)
b)	Dài hạn				
	- Ký cược, ký quỹ	585.000.000	-	8.742.000.000	-
		585.000.000	-	8.742.000.000	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng	395.045.086.419	16.542.777.514	398.782.193.099	14.804.946.518
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	207.035.102.690	12.683.715.291	206.708.530.074	12.357.142.675
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	53.287.199.274	-	57.577.434.335	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	14.597.651.580	-	14.597.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	13.967.361.316	-	19.967.361.316	961.200.665
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	-	39.000.402.901	-
- Các khoản khác	58.113.901.863	3.859.062.223	51.887.346.098	1.486.603.178
b. Phải thu về cho vay	358.178.701.870	-	359.312.856.281	-
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	92.068.569.933	-	92.068.569.933	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	24.490.124.044	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác	361.919.220.133	1.751.969.329	363.524.493.626	-
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.112.235.998	-	11.112.235.998	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	75.897.140.431	-	75.897.140.431	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	81.130.957.310	-	76.880.391.068	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	17.549.681.575	1.751.969.329	16.414.407.697	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	29.030.984.957	-	36.022.098.570	-
d. Ứng trước cho người bán	169.749.227.973	44.691.870.606	171.351.559.378	44.691.870.606
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	36.570.534.892	19.392.009.743	36.570.534.892	19.392.009.743
- Các khoản khác	66.280.257.572	25.299.860.863	67.882.588.977	25.299.860.863
	1.284.892.236.395	62.986.617.449	1.292.971.102.384	59.496.817.124

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.859.496.792	-	4.878.460.869	-
Công cụ, dụng cụ	1.307.253.770	-	1.390.257.817	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	450.870.345.099	-	432.725.257.637	-
Thành phẩm	306.831.250	-	306.831.250	-
	469.343.926.911	-	439.300.807.573	-

(*) Chi tiết các dự án dở dang:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	221.483.802.351	126.087.525.956
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	14.331.502.959	13.461.451.958
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	9.500.788.405	12.609.724.869
- Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1	-	88.529.829
- Nhà máy thép xanh H2GS	-	56.512.804.643
- Các công trình khác	205.554.251.384	223.965.220.382
	450.870.345.099	432.725.257.637

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh (*)	36.186.356.414	35.609.189.360
- Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn	1.179.091.045	1.179.091.045
	37.365.447.459	36.788.280.405

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại dự án trên, theo đó đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại. Đến thời điểm 30/06/2025 Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với UBND Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa có kết quả.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	156.450.934.891	199.691.334.941	355.648.322.323	7.621.879.027	7.194.732.552	726.607.203.734
- Mua trong kỳ	-	-	5.211.738.910	119.500.000	-	5.331.238.910
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.952.194.281)	(2.347.463.201)	-	(492.736.232)	(4.792.393.714)
Số dư cuối kỳ	156.450.934.891	197.739.140.660	358.512.598.032	7.741.379.027	6.701.996.320	727.146.048.930
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	119.533.980.920	155.256.604.819	336.948.522.525	7.167.555.668	6.704.974.278	625.611.638.210
- Khấu hao trong kỳ	1.755.678.191	2.958.094.880	1.353.727.265	102.364.738	142.837.500	6.312.702.574
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.952.194.281)	(2.347.463.201)	-	(492.736.232)	(4.792.393.714)
Số dư cuối kỳ	121.289.659.111	156.262.505.418	335.954.786.589	7.269.920.406	6.355.075.546	627.131.947.070
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	36.916.953.971	44.434.730.122	18.699.799.798	454.323.359	489.758.274	100.995.565.524
Tại ngày cuối kỳ	35.161.275.780	41.476.635.242	22.557.811.443	471.458.621	346.920.774	100.014.101.860

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 56.297.517.429 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 470.974.280.348 VND.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	3.519.650.908
Số dư cuối kỳ	3.519.650.908
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.014.398.616
- Khấu hao trong kỳ	219.978.180
Số dư cuối kỳ	1.234.376.796
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	2.505.252.292
Tại ngày cuối kỳ	2.285.274.112

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	16.253.857.047	2.246.238.184	18.500.095.231
Số dư cuối kỳ	16.253.857.047	2.246.238.184	18.500.095.231
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.151.673.673	2.151.673.673
- Khấu hao trong kỳ	-	13.000.002	13.000.002
Số dư cuối kỳ	-	2.164.673.675	2.164.673.675
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.253.857.047	94.564.511	16.348.421.558
Tại ngày cuối kỳ	16.253.857.047	81.564.509	16.335.421.556

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.116.238.184 VND.

(*) *Quyền sử dụng đất bao gồm:*

- Tại Tổng Công ty: Quyền sử dụng đất tại số 124 Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội với giá trị 10.597.679.212 VND.

- Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7: Địa điểm số 06 Hoàng Văn Thụ, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với giá trị 395.845.835 VND; Địa điểm: Lô C1-9 đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng với giá trị 4.800.000.000 VND; Địa điểm: Tổ dân phố 10, phường Hương Trà, Thành phố Huế với giá trị 460.332.000 VND;

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 30/06/2025 là 45.160.206.674 VND, khấu hao trong kỳ là 1.152.578.076 VND, giá trị còn lại của tài sản là 11.967.756.846 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.492.853.340	646.436.194
- Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	48.705.396	69.571.851
- Chi phí trả trước dự án điện Vũng Áng 2	54.166.667	-
- Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	37.613.634	105.829.165
- Chi phí trả trước dự án chế tạo thép xanh H2GS	209.304.987	251.599.259
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.145.000
	1.842.644.024	1.074.581.469
b) Dài hạn		
- Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	2.709.116.032	6.769.512.835
- Chi phí thuê đất	6.052.253.705	6.212.537.959
- Công cụ, vật tư trả trước cho các công trình, dự án khác	7.703.561.460	11.933.782.024
- Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	4.247.441.969	11.823.315.580
- Chi phí trả trước dài hạn dự án gia công, chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị điện phân (Dự án Nhà máy Hydrogen NEOM)	1.291.705.053	4.085.509.584
- Chi phí trả trước thuê nhà xưởng (*)	80.475.000.000	84.825.000.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	7.407.355.125	3.950.759.508
	109.886.433.344	129.600.417.490

(*) Khoản chi phí trả trước đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Lilama 69.3 (bên liên quan) liên quan đến chi phí thuê mặt bằng và các khu vực tiện ích. Tổng Công ty trả trước phục vụ thực hiện các dự án gia công chế tạo kết cấu thép.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	176.110.140.143	176.110.140.143	292.158.532.737	292.158.532.737
- Công ty Cổ phần Lilama 18	48.373.699.066	48.373.699.066	188.894.203.525	188.894.203.525
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	26.878.500.745	26.878.500.745	19.863.188.592	19.863.188.592
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	1.836.624.377	1.836.624.377	45.611.264.370	45.611.264.370
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	15.305.919.506	15.305.919.506	11.999.659.926	11.999.659.926
- Công ty Cổ phần Lilama 10	81.963.427.120	81.963.427.120	25.790.216.324	25.790.216.324
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.751.969.329	1.751.969.329	-	-
Bên khác	961.180.435.057	961.180.435.057	1.207.412.666.087	1.207.412.666.087
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	11.041.973.080	11.041.973.080	10.734.692.356	10.734.692.356
- Flsmidth Koch GMBH	86.553.322.390	86.553.322.390	90.685.256.341	90.685.256.341
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	54.589.000	54.589.000	8.949.152.998	8.949.152.998
- Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống Bê chứa Dầu khí	48.593.258.691	48.593.258.691	57.993.769.496	57.993.769.496
- Công ty Cổ phần FECON	67.641.958.895	67.641.958.895	118.508.326.678	118.508.326.678
- Hamon Research-Cottrell Italia S.P.A	162.851.322.405	162.851.322.405	158.309.775.482	158.309.775.482
- Phải trả các đối tượng khác	584.444.010.596	584.444.010.596	762.231.692.736	762.231.692.736
	<u>1.137.290.575.200</u>	<u>1.137.290.575.200</u>	<u>1.499.571.198.824</u>	<u>1.499.571.198.824</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	2.200.000.000	-
Bên khác		
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.866.656.986	40.866.656.986
- BQLDA các công trình điện miền Trung - Chi nhánh TCT truyền tải điện QG (trạm 500kV Pleiku 2)	32.799.330.472	-
- Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA	31.316.436.376	118.588.801.738
- Thyssenkrupp Nucera Italy S.R.L	16.150.290.408	113.681.123.283
- BQLDA truyền tải điện - Chi nhánh TCT truyền tải điện Quốc gia	52.257.453.011	-
- Ban QLDA Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh	33.185.000.000	-
- Các đối tượng khác	55.235.226.489	47.651.958.459
	264.010.393.742	320.788.540.466

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	99.988.900.100	96.588.494.585
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	1.243.124.560.777	60.073.449.364
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	13.817.085.251	20.811.375.647
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4	276.890.409.720	300.348.067.483
- Dự án Hydrogen Neom	341.566.865.918	280.124.783.107
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	934.960.469	934.960.469
- Dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	1.139.826.311	28.597.992.243
- Chi phí phải trả khác	130.024.892.808	86.223.999.519
	2.107.487.501.354	873.703.122.417

Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan

- Công ty Cổ phần Lilama 10	304.862.019.434	349.470.911.202
- Công ty Cổ phần Lilama 18	14.246.946.014	45.926.394.128
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	-	7.937.324.462
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	6.891.686.263	6.891.686.263
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	2.591.688.036	4.507.776.919
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	364.434.400	364.434.400
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	315.452.025	247.787.283
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	28.995.841.544	22.725.325.818
	358.268.067.716	438.071.640.475

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	45.372.398.525	2.593.882.348	91.829.001.839	9.838.769.533	461.138.808	39.672.854.937
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	2.017.213.700	273.320.888	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.148.750.506	353.693.617	-	366.960.722	23.205.379.298	43.361.687
Thuế Thu nhập cá nhân	-	321.184.782	2.097.804.077	2.782.025.087	478.573.197	115.536.969
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	2.123.705.215	5.579.914.143	5.904.737.103	93.571.770	1.892.454.025
Các loại thuế khác	14.768	295.121.616	183.992.902	246.601.198	14.768	232.513.320
	70.265.056.611	5.687.587.578	101.707.926.661	19.412.414.531	24.238.677.841	41.956.720.938

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	551.678.394.678	188.566.036.808
	551.678.394.678	188.566.036.808
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	519.822.358.263	421.364.053.360
	519.822.358.263	421.364.053.360



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	104.730.000	104.730.000
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất	699.111.460	699.111.460
	803.841.460	803.841.460
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	13.420.036.655	13.714.796.931
	13.420.036.655	13.714.796.931

23 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.442.627.569	5.023.290.177
- Bảo hiểm xã hội	25.846.586.833	27.878.129.040
- Bảo hiểm y tế	881.784.532	884.797.983
- Bảo hiểm thất nghiệp	135.701.576	139.738.964
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	124.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	476.380.225	494.601.225
- Phải trả lãi vay	38.521.433.949	33.456.542.794
- Phải trả tạm ứng cho nhân viên	39.401.952.179	38.158.464.985
- Doosan Heavy industries & Construction Co.,Ltd	1.278.881.277	1.278.881.277
- Hamon Research-Cottrell GmbH (*)	162.316.842.500	157.790.201.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.530.733.694	46.167.397.820
	292.157.024.334	311.596.145.265
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.151.886.839	1.151.886.839
	1.151.886.839	1.151.886.839
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 18	392.706.304	397.373.536
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	3.510.720	3.510.720
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	67.500.000	77.688.672
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	17.046.528	17.046.528
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.517.001	1.517.001
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	42.240.000	42.240.000
	524.520.553	539.376.457

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 phát sinh từ năm 2022. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng Công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp. Giá trị biến động tăng trong kỳ do ảnh hưởng của đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

24 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.328.985.279.773	1.328.985.279.773	1.102.947.755.808	1.188.845.629.920	1.243.087.405.661	1.243.087.405.661
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	952.039.290.202	952.039.290.202	1.102.747.755.808	1.183.890.629.920	870.896.416.090	870.896.416.090
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 7 ⁽²⁾	72.920.650.241	72.920.650.241	-	4.000.000.000	68.920.650.241	68.920.650.241
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	81.835.159.087	81.835.159.087	-	755.000.000	81.080.159.087	81.080.159.087
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 5 ⁽⁴⁾	222.190.180.243	222.190.180.243	200.000.000	200.000.000	222.190.180.243	222.190.180.243
Nợ dài hạn đến hạn trả	700.089.204	700.089.204	350.044.602	350.044.602	700.089.204	700.089.204
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	700.089.204	700.089.204	350.044.602	350.044.602	700.089.204	700.089.204
	<u>1.329.685.368.977</u>	<u>1.329.685.368.977</u>	<u>1.103.297.800.410</u>	<u>1.189.195.674.522</u>	<u>1.243.787.494.865</u>	<u>1.243.787.494.865</u>
b) Vay dài hạn						
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	1.808.563.786	1.808.563.786	-	350.044.602	1.458.519.184	1.458.519.184
	<u>1.808.563.786</u>	<u>1.808.563.786</u>	<u>-</u>	<u>350.044.602</u>	<u>1.458.519.184</u>	<u>1.458.519.184</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(700.089.204)	(700.089.204)	(350.044.602)	(350.044.602)	(700.089.204)	(700.089.204)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>1.108.474.582</u>	<u>1.108.474.582</u>			<u>758.429.980</u>	<u>758.429.980</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000	1.126.365.735	(32.374.321.082)	(10.853.800.027)	91.774.510.243	18.290.851	154.403.243.635	(57.599.130.275)	943.756.199.080
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	58.034.387.960	(4.937.466.416)	53.096.921.544
- Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-	-	-	16.161.623.514	-	(28.171.150.014)	-	(12.009.526.500)
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	3.051.152.542	-	-	-	30.819.210	3.081.971.752
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	55.194.944	(55.194.944)	-
Số dư cuối kỳ trước	797.261.040.000	1.126.365.735	(32.374.321.082)	(7.802.647.485)	107.936.133.757	18.290.851	184.321.676.525	(62.560.972.425)	987.925.565.876
Số dư đầu kỳ này	797.261.040.000	1.126.365.735	(32.374.321.082)	(7.468.801.166)	107.936.133.757	18.290.851	183.105.198.192	(71.089.846.761)	978.514.059.526
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	79.007.213.078	(3.412.659.162)	75.594.553.916
- Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-	-	-	17.058.017.810	-	(28.955.922.966)	-	(11.897.905.156)
- Phân phối lợi nhuận tại công ty con - Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	-	-	-	-	-	-	(89.842.161)	(89.842.161)
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	4.223.999.428	-	-	-	42.665.950	4.266.665.378
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	101.234	-	101.234
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	(8.295.664)	8.295.664	-
Số dư cuối kỳ này	797.261.040.000	1.126.365.735	(32.374.321.082)	(3.244.801.738)	124.994.151.567	18.290.851	233.148.293.874	(74.541.386.470)	1.046.387.632.737

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 222/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP công bố việc phân phối lợi nhuận lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Số tiền
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	17.058.017.810
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.351.905.156
Trích Quỹ thương Ban điều hành	546.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 3,5% vốn điều lệ) (*)	27.904.136.400

(*) Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa chốt danh sách chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Bộ Xây dựng	97,88	780.324.040.000	97,88	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12	16.937.000.000	2,12	16.937.000.000
	100	797.261.040.000	100	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	494.601.225	393.796.725
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(18.221.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(18.221.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	476.380.225	393.796.725

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	124.994.151.567	107.936.133.757
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.290.851	18.290.851
	125.012.442.418	107.954.424.608

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCV

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 124 Minh Khai, phường Tương Mai, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 124 Minh Khai, phường Tương Mai, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tăng thêm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể;

- Công ty Cổ phần Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại số 179 đường Trần Phú, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm trụ sở Công ty Cổ phần Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 14.867 m². Theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty Cổ phần Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại khu phố số 6, phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa để làm nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép thuộc Công ty Cổ phần Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 26.435,9 m², theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ký các hợp đồng thuê đất tại số khu đất số 72E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama. Diện tích khu đất thuê là 29.873 m², theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama phải trả tiền thuê đất hàng năm (43 năm từ ngày 01/07/2003 đến 01/07/2046);

- Công ty Cổ phần Lilama 7 ký hợp đồng thuê đất tại Lô D, đường số 3, Khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng để làm kho với tổng diện tích khu đất thuê là 48.600 m² trong thời gian 40 năm (từ ngày 16/10/2007 đến ngày 16/10/2047). Công ty Cổ phần Lilama 7 đã trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	73.152.556,25	53.013.168,51
- Đồng Euro (EUR)	1.798.034,50	1.796.540,98
- Đô la Brunei (BND)	121.691,83	23.548,55

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.020.746.173.165	3.317.080.578.038
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.757.272.376	28.180.178.395
	3.044.503.445.541	3.345.260.756.433
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	27.574.007.708	11.272.261.987

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	2.919.665.559.168	3.204.295.069.302
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.564.353.856	27.403.906.723
	2.954.229.913.024	3.231.698.976.025
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	457.410.451.981	662.359.958.016

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	26.198.849.006	20.897.241.627
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.340.598.394	7.718.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	37.671.167.027	18.567.422.102
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	14.254.557.770	45.620.073.127
	83.465.172.197	92.803.136.856
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	10.726.440.120	9.209.796.991

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	37.398.069.282	49.182.430.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	48.900.166.213	12.171.835.571
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư (805.014)		4.312.071
Dự phòng lãi cho vay khó đòi	5.385.840.120	5.649.396.991
Chi phí tài chính khác	59.129.521	59.454.409
	91.742.400.122	67.067.429.719
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	5.385.840.120	5.649.396.991

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.488.794	178.840.320
Chi phí nhân công	24.419.474.466	23.647.345.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.925.389.096	2.037.866.389
Thuế, phí, lệ phí	2.009.047.203	2.060.390.665
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	(16.954.506.434)	39.842.885.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.770.011.063	4.086.705.152
Chi phí khác bằng tiền	2.796.601.877	3.619.397.920
	22.139.506.065	75.473.431.466
Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	98.181.818	98.181.818

32 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.079.999.998	1.075.925.926
Tiền phạt thu được	6.182.828.706	42.695.792
Thu từ bán phế liệu	878.590.431	137.818.181
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	11.452.480.897	763.654.631
Thu nhập khác	218.770.685	2.252.529.139
	19.812.670.717	4.272.623.669

33 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt, lãi chậm nộp	1.569.506.162	242.308.667
Chi phí khác	2.314.619.590	2.900.382.834
	3.884.125.752	3.142.691.501

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	-	267.503.598
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 7	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	267.503.598

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	79.007.213.078	58.034.387.960
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	79.007.213.078	58.034.387.960
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	79.726.104	79.726.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	991	728

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.919.197.743	52.061.771.011
Chi phí nhân công	205.805.691.135	223.101.228.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.698.258.832	8.573.335.134
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	(16.954.506.434)	39.844.733.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.330.834.548	187.093.064.956
Chi phí khác bằng tiền	711.492.812.011	13.249.318.026
Chi phí thuê thầu phụ	1.889.524.932.854	2.703.999.534.685
	2.983.817.220.689	3.227.922.985.543

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán toàn bộ các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư dài hạn	-	78.528.064.800	-	78.528.064.800
	-	78.528.064.800	-	78.528.064.800
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	80.928.064.800	-	80.928.064.800
	-	80.928.064.800	-	80.928.064.800

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.226.582.616.455	-	-	3.226.582.616.455
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.136.920.607.050	585.000.000	-	2.137.505.607.050
Các khoản cho vay	6.748.502.780	-	-	6.748.502.780
	5.370.251.726.285	585.000.000	-	5.370.836.726.285
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.973.624.622.662	-	-	2.973.624.622.662
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.127.077.061.560	8.742.000.000	-	1.135.819.061.560
Các khoản cho vay	6.361.600.000	138.200.000	-	6.499.800.000
	4.107.063.284.222	8.880.200.000	-	4.115.943.484.222

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	1.243.787.494.865	758.429.980	-	1.244.545.924.845
Phải trả người bán, phải trả khác	1.429.447.599.534	1.151.886.839	-	1.430.599.486.373
Chi phí phải trả	2.107.487.501.354	-	-	2.107.487.501.354
	4.780.722.595.753	1.910.316.819	-	4.782.632.912.572
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	1.329.685.368.977	1.108.474.582	-	1.330.793.843.559
Phải trả người bán, phải trả khác	1.811.167.344.089	1.151.886.839	-	1.812.319.230.928
Chi phí phải trả	873.703.122.417	-	-	873.703.122.417
	4.014.555.835.483	2.260.361.421	-	4.016.816.196.904

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.378.362.517.726	666.140.927.815	3.044.503.445.541
Tài sản bộ phận	7.357.447.520.613	64.088.291.306	7.421.535.811.919
Tổng chi phí mua TSCĐ	5.331.238.910	-	5.331.238.910

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.574.007.708	11.272.261.987
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	214.377.918	791.264.337
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	76.836.480	74.838.400
Công ty Cổ phần Lilama 10	2.289.786.251	3.450.939.098
Công ty Cổ phần Lilama 18	2.310.438.906	6.955.220.152
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	21.427.569.053	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.254.999.100	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	457.410.451.981	662.359.958.016
Công ty Cổ phần Lilama 10	244.437.313.279	299.962.449.364
Công ty Cổ phần Lilama 18	134.769.961.048	342.617.247.591
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	42.111.009.577	2.049.922.594
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	29.191.381.814	17.730.338.467
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	6.891.686.263	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	9.100.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	98.181.818	98.181.818
Công ty Cổ phần Lilama 18	98.181.818	98.181.818
Lãi cho vay, lãi trả chậm	5.385.840.120	5.649.396.991
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.250.566.242	4.459.854.801
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.135.273.878	1.189.542.190
Dự phòng lãi cho vay	5.385.840.120	5.649.396.991
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	4.250.566.242	4.459.854.801
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	1.135.273.878	1.189.542.190
Cổ tức được chia	5.340.600.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	5.340.600.000	3.560.400.000

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Hội đồng quản trị	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	348.000.000	292.800.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	282.000.000	217.800.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Lê Đình Khanh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2025)	-	-

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	381.600.000	259.800.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	336.000.000	217.800.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	282.000.000	217.800.000
Ông Phạm Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2025)	72.636.000	-
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	282.000.000	217.800.000
Ban Kiểm soát	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	288.000.000	204.600.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	54.000.000	30.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	54.000.000	30.000.000

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội

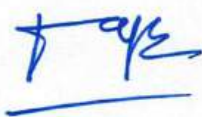
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

41 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.



Lại Việt Tân
Người lập



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

PHỤ LỤC 1 : VAY NGÂN HÀNG

Tham chiếu	STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCF ⁽¹⁾	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng số 02/2022/518/HĐTDHM/SD ngày 21/03/2022	4.200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Theo từng kế ước nhận nợ và đến ngày 29/05/2026	354.089.523.516	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/518/HĐTDHM ngày 18/07/2024	2.600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến hết ngày 30/06/2025	193.101.590.956	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
	3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 174/2025/HĐTD/PHG ngày 06/06/2025	1.300.000.000.000	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	12 tháng	62.279.514.748	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 và Dự án nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
	4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 175/2025/HĐTD/PHG ngày 06/06/2025	600.000.000.000	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	12 tháng	105.466.723.011	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
	5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320- LILAMA44 ngày 02/02/2023	280.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	18.606.565.485	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công lắp đặt BOP Equipment, Piping & Field Tank thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
	6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 04/2025/HĐCVTL/NHCT320- LILAMA ngày 25/04/2025	100.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/03/2026	93.269.791.135	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
	7	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) - chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Khách hàng Doanh nghiệp Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 1054298.25 ngày 28/05/2025	500.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	12 tháng	44.082.707.239	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

PHỤ LỤC 1 : VAY NGÂN HÀNG

Công ty Cổ phần Lilama 7 ⁽²⁾	1	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng; Hợp đồng tín dụng hạn mức 26.07/2021/HĐTD ngày 26/7/2021	60.000.000.000	Lãi suất vay trong kỳ từ 12%/năm - 14%/năm	12 tháng kể từ ngày 26/07/2021. Hiện tại hợp đồng đã hết hạn nhưng Công ty chưa thực hiện gia hạn;	37.062.015.688	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0002.2110/09/BĐ ngày 21/10/2009 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (trụ sở) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 258698 do UBND TP.Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2006, cùng với một số tài sản, máy móc thiết bị khác của Công ty.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng; Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-202300276 ngày 24/02/2023	40.000.000.000	Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ	Đến hết ngày 24/02/2024. Hiện tại hợp đồng đã hết hạn nhưng Công ty chưa thực hiện gia hạn;	31.858.634.553	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BA 406654, BA 406651, BA 406653, BA 406652 do UBND huyện Hương Trà cấp ngày 17/08/2020.
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	120.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 31/12/2020. Các khoản vay quá hạn đã được ký các hợp đồng tín dụng cụ thể và phụ lục gia hạn bổ sung.	81.010.159.087	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh cho hoạt động xây lắp	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Vay cá nhân		Không tính lãi suất	01 tháng	70.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.	
Công ty Cổ phần Lilama 5 ⁽⁴⁾	1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn; Hợp đồng cho vay từng lần số 18910307/2018-HĐCVTL/NHCT422-LILAMA ngày 6/7/2018	8.200.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 09 tháng Đã quá hạn thanh toán	5.558.523.200	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện HĐKT số 01/XL3-LL5 ngày 12/12/2017 - thi công xây dựng nhà máy nghiền xi măng, nhà nén khí, dự án xi măng Bím Sơn.	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn; Hợp đồng tín dụng số 50201/2017-HĐTD/NHCT422-LONGPHU1 ngày 28/02/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	09 tháng Đã quá hạn thanh toán	8.253.852.129	Thanh toán chi phí dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn; Hợp đồng cho vay từng lần số 17881509/2017-HĐCVTL/NHCT422-PHUTHO ngày 18/09/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 09 tháng Đã quá hạn thanh toán	25.052.752.766	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện gói thầu xây lắp trạm biến áp 220kv Phú Thọ	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bím Sơn; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/295277/HĐTD ngày 28/12/2018	197.224.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	12 tháng Đã quá hạn thanh toán	183.325.052.148	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
Tổng cộng						1.243.087.405.661		

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

PHỤ LỤC 2 : VAY DÀI HẠN

Tham chiếu	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 30/06/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	297.502.236	142.801.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	580.508.474	278.644.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	580.508.474	278.644.068
Tổng cộng					1.458.519.184	700.089.204

